**CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN NGUYÊN**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TRẦN NGUYÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRAN NGUYEN FOODS LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110859034

**3. Ngày thành lập:** 10/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2F, Ngõ 95/2 Phố Nam Dư, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0947136884* Fax:

Email: *nhungnguyen0308@gmail.com* Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 1. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Chi tiết:<br>Chế biến và bảo quản thịt:<br>- Sản xuất thịt tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng nguyên con;<br>- Sản xuất thịt tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng pha miếng;<br>- Sản xuất thịt tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng từng phần riêng.<br>- Hoạt động chế biến cá voi trên đất liền hoặc trên tàu thuyền chuyên dùng;<br>- Sản xuất da sống và lông thú bắt nguồn từ hoạt động giết mổ kể cả từ những người buôn bán da lông thú;<br>- Chế biến mỡ động vật;<br>- Chế biến lục phủ ngũ tạng động vật;<br>- Sản xuất lông vũ.<br>Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt:<br>- Sản xuất thịt sấy khô, hun khói, ướp muối;<br>- Sản xuất sản phẩm thịt gồm: Xúc xích, pate, thịt dăm bông. | *1010(Chính)* |

| | | |
|---|---|---|
| 2. | Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản<br>Chi tiết:<br>Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh:<br>- Chế biến thực phẩm chủ yếu là thủy sản đông lạnh;<br>- Bảo quản thủy sản chủ yếu bằng phương pháp đông lạnh.<br>Chế biến và bảo quản thủy sản khô:<br>- Chế biến thực phẩm chủ yếu là thủy sản khô;<br>- Bảo quản thủy sản chủ yếu bằng phương pháp sấy, hun khói, ướp muối và đóng hộp.<br>Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản:<br>Các hoạt động chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản chưa được phân vào đâu. | *1020* |
| 3. | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết:<br>Sản xuất nước ép từ rau quả:<br>- Sản xuất nước ép không cô đặc từ các loại rau và quả, không lên men và không chứa cồn.<br>- Sản xuất nước ép hỗn hợp từ rau và quả.<br>Chế biến và bảo quản rau quả khác:<br>- Chế biến thực phẩm chủ yếu là rau quả, trừ các thức ăn đã chế biến sẵn để lạnh;<br>- Bảo quản rau, quả, hạt bằng phương pháp đông lạnh, sấy khô, ngâm dầu, ...<br>- Chế biến thức ăn từ rau quả;<br>- Chế biến mứt rau quả;<br>- Chế biến mứt sệt, mứt đóng khuôn và mứt dạng nước (thạch hoa quả);<br>- Chế biến và bảo quản khoai tây như: chế biến khoai tây làm lạnh; chế biến khoai tây nghiền làm khô; chế biến khoai tây rán; chế biến khoai tây giòn và chế biến bột khoai tây;<br>- Rang các loại hạt;<br>- Chế biến thức ăn từ hạt và thức ăn sệt.<br>- Bóc vỏ khoai tây;<br>- Bóc vỏ hạt điều, bóc vỏ đậu phộng;<br>- Sản xuất giá sống;<br>- Chế biến các thực phẩm cô đặc từ rau quả tươi;<br>- Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hỏng làm sẵn như: sa lát, rau đã cắt hoặc gọt, đậu để đông. | *1030* |
| 4. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật | *1040* |
| 5. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | *1050* |
| 6. | Xay xát và sản xuất bột thô | *1061* |
| 7. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | *1062* |
| 8. | Sản xuất các loại bánh từ bột | *1071* |
| 9. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự | *1074* |

| | | |
|---|---|---|
| 10. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn<br>Chi tiết:<br>Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt:<br>Sản xuất món ăn sẵn từ thịt (bao gồm thịt đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không);<br>Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản:<br>Sản xuất các món ăn sẵn từ thủy sản (bao gồm thủy sản đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không);<br>Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác:<br>- Sản xuất các thức ăn sẵn khác (phục vụ bữa trưa, bữa tối);<br>- Sản xuất món ăn từ rau;<br>- Sản xuất bánh pizza dạng đông lạnh. | *1075* |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá) | *4610* |
| 12. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác:<br>Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác, kể cả loại dùng để làm giống.<br>Bán buôn hoa và cây:<br>Bán buôn các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống.<br>Bán buôn động vật sống:<br>Bán buôn các loại gia súc, gia cầm sống, kể cả loại dùng để nhân giống (bao gồm cả giống thủy sản).<br>Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản:<br>- Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản;<br>- Bán buôn bán thành phẩm, phế liệu, phế thải từ các sản phẩm nông nghiệp dùng để chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản.<br>- Bán buôn nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.<br>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa):<br>- Bán buôn hạt, quả có dầu;<br>- Bán buôn thuốc lá lá;<br>- Bán buôn da sống và bì sống;<br>- Bán buôn da thuộc;<br>- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu.<br>(Trừ loại nhà nước cấm) | *4620* |
| 13. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ | *4631* |

| | | |
|---|---|---|
| 14. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt:<br>- Bán buôn thịt gia súc, gia cầm tươi, đông lạnh, sơ chế;<br>- Bán buôn các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, nội tạng dạng thịt từ gia súc, gia cầm.<br>Bán buôn thủy sản:<br>Bán buôn thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến như cá, động vật giáp xác (tôm, cua...), động vật thân mềm (mực, bạch tuộc...), động vật không xương sống khác sống dưới nước.<br>Bán buôn rau, quả:<br>- Bán buôn các loại rau, củ, tươi, đông lạnh và chế biến, nước rau ép;<br>- Bán buôn quả tươi, đông lạnh và chế biến, nước quả ép.<br>Bán buôn cà phê:<br>Bán buôn cà phê hạt, đã hoặc chưa rang, cà phê bột.<br>Bán buôn chè:<br>Bán buôn các loại chè đen, chè xanh đã hoặc chưa chế biến, đóng gói, kể cả loại chè đóng gói nhỏ pha bằng cách nhúng gói chè vào nước (chè Lippton, Dilmate...).<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột:<br>- Bán buôn đường, bánh, mứt, kẹo, sôcôla, cacao...;<br>- Bán buôn sữa tươi, sữa bột, sữa cô đặc... và sản phẩm sữa như bơ, phomat...;<br>- Bán buôn mỳ sợi, bún, bánh phở, miến, mỳ ăn liền và các sản phẩm khác chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.<br>Bán buôn thực phẩm khác:<br>- Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng;<br>- Bán buôn dầu, mỡ động thực vật;<br>- Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác;<br>- Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh. | *4632* |
| 15. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ uống có cồn<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn | *4633* |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>(Trừ bán buôn dược phẩm) | *4649* |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | *4711* |
| 18. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Trừ đấu giá) | *4719* |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh | *4721* |

| | | |
|---|---|---|
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh:<br>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Thịt gia súc, gia cầm và thịt gia cầm tươi, sống, ướp lạnh hoặc đông lạnh;<br>- Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia súc, gia cầm, tươi, ướp lạnh hoặc ướp đông;<br>- Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia súc, gia cầm, đã sơ chế hoặc bảo quản (ngâm muối, sấy khô, hun khói...);<br>- Bột mịn và bột thô từ thịt hoặc phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ.<br>Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh:<br>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Cá, tươi, ướp lạnh hoặc ướp đông, khô, hoặc đã được sơ chế, chế biến khác;<br>- Tôm, cua và động vật giáp xác khác, sống, tươi, ướp lạnh, ướp đông, khô hoặc đã được sơ chế, bảo quản hoặc chế biến khác;<br>- Mực, bạch tuộc và động vật thân mềm, động vật không xương sống khác sống dưới nước, tươi, ướp lạnh, đông, khô hoặc đã được sơ chế, bảo quản, chế biến khác;<br>- Hàng thủy sản khác.<br>Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh:<br>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Rau, tươi, ướp lạnh, hoặc đã được bảo quản cách khác;<br>- Quả, tươi, ướp lạnh hoặc đã được bảo quản cách khác;<br>- Nước rau ép, nước quả ép.<br>Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh:<br>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Đường;<br>- Sữa các loại và sản phẩm từ sữa (bơ, phomat...);<br>- Trứng;<br>- Bánh, mứt, kẹo;<br>- Các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột như mỳ/phở/bún/cháo ăn liền, mỳ nui, mỳ spaghety, bánh đa nem... | *4722* |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh | *4723* |
| 22. | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác | *0112* |
| 23. | Trồng cây lấy củ có chất bột | *0113* |

| | | |
|---|---|---|
| 24. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa<br>Chi tiết:<br>Trồng rau các loại:<br>Các hoạt động gieo trồng rau các loại:<br>- Trồng các loại rau lấy lá như: Rau cải, bắp cải, rau muống, súp lơ, cây bông cải xanh, rau diếp, măng tây, rau cúc, rau cần ta, rau cần tây và các loại rau lấy lá khác;<br>- Trồng các loại rau lấy quả như: Dưa hấu, dưa chuột, bí xanh, bí ngô, cà chua, cây cà, cây ớt, các loại dưa và rau có quả khác;<br>- Trồng các loại rau lấy củ, cả rễ, hoặc lấy thân như: Su hào, cà rốt, cây củ cải, cây hành, cây tỏi ta, cây tỏi tây, cây mùi, cây họ và cây lấy rễ, củ hoặc thân khác;<br>- Trồng cây củ cải đường;<br>- Trồng các loại nấm.<br>Trồng đậu các loại:<br>Các hoạt động gieo trồng các loại đậu để lấy hạt như: đậu đen, đậu xanh, đậu vàng, đậu trứng quốc, đậu hà lan...<br>Trồng hoa hàng năm:<br>Trồng các loại cây hàng năm lấy hoa hoặc cả cành, thân, lá, rễ để phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa... | *0118* |
| 25. | Trồng cây hàng năm khác | *0119* |
| 26. | Trồng cây ăn quả | *0121* |
| 27. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm | *0128* |
| 28. | Trồng cây lâu năm khác | *0129* |
| 29. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm | *0131* |
| 30. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm | *0132* |
| 31. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò | *0141* |
| 32. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa | *0142* |
| 33. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai | *0144* |
| 34. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn | *0145* |
| 35. | Chăn nuôi gia cầm | *0146* |
| 36. | Chăn nuôi khác<br>(trừ nuôi bò sát và côn trùng) | *0149* |
| 37. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp | *0150* |
| 38. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | *0161* |
| 39. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch | *0163* |
| 40. | Khai thác thuỷ sản nội địa | *0312* |
| 41. | Nuôi trồng thuỷ sản nội địa | *0322* |
| 42. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản | *6810* |

| | | |
|---|---|---|
| 43. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của sàn giao dịch bất động sản<br>- Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Kinh doanh dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản<br>(trừ tư vấn pháp luật bất động sản và tư vấn tài chính bất động sản)<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá) | *6820* |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG | Việt Nam | 123B Phố Nam Dư, Tổ 9, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 680.000.000 | 68,000 | 001184036680 | |
| 2 | TRẦN TRUNG NGHĨA | Việt Nam | 123B Phố Nam Dư, Tổ 9, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 320.000.000 | 32,000 | 001078024387 | |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

***** Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *27/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001184036680*

Ngày cấp: *22/11/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *123B Phố Nam Dư, Tổ 9, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *123B Phố Nam Dư, Tổ 9, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội